VỀ MỘT NGÔI CHÙA THỜ PHÁP PHONG

MAI KHÁNH

TÓM TẮT

Tứ pháp là một tục thờ mang yếu tố bản địa Việt, có sự kết hợp với tôn giáo - tín ngưỡng ngoại nhập (Hindu giáo và Phật giáo nguyên thủy...), với vùng Dâu (Bắc Ninh) là trung tâm, sau đó, lan tỏa xuống phía Nam, tới nhiều khu vực khác ven sông Hồng, sông Đáy... Theo nhận thức chung, hệ Tứ pháp gồm: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Từ trường hợp chùa Bà Đanh (Hà Nam), cùng một số di tích liên quan, tác giả khẳng định: hiện tượng thờ Pháp Phong tại chùa Bà Đanh là một trường hợp "hoá thạch ngoại biên" của tục thờ Pháp Phong và Tứ pháp trong lịch sử. Qua đó, đưa ra một giả thiết để làm việc là: Hệ Tứ pháp khởi nguyên có thể bao gồm: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Phong.

Từ khóa: chùa Bà Đanh; Tứ pháp; Pháp Phong.

ABSTRACT

Four Gods Worship is a Vietnam native belief elements, combined with the religious - exotic beliefs (Hinduism and primitive Buddhism...), with the Dau region (Bac Ninh province) is the center, after that spread southward, to many other areas along the Red river, Day river etc. According to general perception, Four Gods Worship system, including gods of Cloud, Rain, Storm, and Thunder. From Ba Danh pagoda case (Ha Nam province), and some relics related, the author argues that the phenomenon of worshipping Wind God at Ba Danh pagoda is a case of "fossil periphery" of the Wind God and Four Gods Worship in history. Thereby, giving a working hypothesis is: Four Gods Worship origin may include: Cloud, Rain, Thunder, and Wind.

Key words: Bà Đanh pagoda; Four Gods; Wind God.

Khi chúng tôi nêu ý kiến: Ngoài thờ Phật, Bồ Tát..., chùa Bà Đanh (thôn Đinh Xá, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) còn thờ Pháp Phong (thuộc hệ Tứ pháp) theo kiểu "tiền Phật, hậu Thánh", nhiều người đã ngạc nhiên và không tin, bởi lâu nay, quan niệm phổ biến cho rằng, Tứ pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Khi làm hồ sơ đề nghị xếp hạng chùa Bà Đanh là di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, trong chùa không có bản thần tích gốc, những người viết hồ sơ, khi viết về nhân vật được thờ trong chùa, đã sử dụng bản "Cổ châu Tứ pháp ngọc phả" (chữ Hán, văn xuôi) và "Tứ pháp ngọc phả quốc âm" (chữ Nôm, thơ lục bát). Hai bản này đều do Đỗ Huy Liêu, người xã Yên Đồng (Ý Yên, Nam Định), đỗ tiến sĩ năm Kỷ Mão (1879 - thời vua Tự Đức) biên soạn xong vào ngày 15 tháng Mười một năm Nhâm Ngọ (1918). Khi đối chiếu với ba bản sự tích Tứ pháp ở chùa Dâu (Khương Tự, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh) thì hai bản của Đỗ Huy Liêu có một số chi tiết khác biệt.

Ngay trong nhận thức của cộng đồng - nơi có chùa Bà Đanh cũng có sự chưa rõ ràng, người thì bảo: chùa thờ Pháp Vân, người khác lại cho rằng: chùa thờ Pháp Vũ. Sự bất nhất này kéo dài đã lâu, vậy đâu là nguyên cớ? Dưới đây, xin nêu một số luận giải của chúng tôi qua những cứ liệu để minh chứng cho nhận định, chùa Bà Đanh thờ Pháp Phong.

1. Truyền thuyết

Từ xa xưa, ở thôn Đinh Xá (xã Ngọc Sơn) và một số xã lân cận đã lưu truyền truyền thuyết về vị thánh nữ được thờ phụng ở chùa Bà Đanh. Truyền thuyết kể rằng:

Khi xưa, vùng này thường gặp mưa to, gió lớn, nên việc sản xuất rất khó khăn, mùa màng thất thu, thiếu đói kéo dài. Vào một ngày kia, cả làng xôn xao chuyện thánh nữ báo cho một cụ già trong làng có một người con gái trẻ trung, xinh đẹp, đoan trang,

Sắc phong cho "Đại Thánh Pháp Phong Tôn thần", niên đại Khải Định - chùa Bà Đanh (Hà Nam) - Ảnh: Quốc Vụ

khuôn mặt phúc hậu với vầng trán và đôi mắt tinh khôi, rằng: ta được cử về đây để chăm lo và chỉ bảo dân làng làm ăn.

Vì vậy, dân làng bèn lập chùa thờ bà. Các bô lão chọn khu rừng đầu làng làm nơi dựng chùa. Nơi ấy là một vạt rừng rậm rạp, có nhiều cổ thụ, sát bờ sông có một hòn núi nhỏ nhô ra mặt nước, trong rừng rộn rã tiếng chim, quang cảnh chẳng khác chốn bồng lai.

Tam quan chùa Bà Đanh (Hà Nam) - Ảnh: Quốc Vụ

Ban đầu, ngôi chùa được dựng đơn sơ bằng tranh tre. Đến năm Vĩnh Trị - đời Lê Hy Tông (1676- 1680), khu rừng được mở mang quang đãng để xây một ngôi chùa mới khang trang. Nơi ấy, cấm mọi người không được làm nhà ở, nên cảnh chùa càng thêm trang nghiêm, vắng vẻ. Ngôi chùa dựng lên được ít lâu thì một cây mít cổ thụ ở cạnh chùa bỗng dưng bị gió to quật đổ. Dân làng đẵn lấy gỗ và đi tìm thợ về tạc tượng thờ trong chùa. Một hôm, có một người khách đến chùa nói là làm nghề tạc tượng và được báo mộng để tìm đến đây. Người khách tả hình dáng và dung nhan người con gái đã báo mộng thì rất giống vị thánh nữ đã báo mộng cho cụ già trong làng.

Năm ấy, vào mùa mưa lũ, nước sông dâng cao, tượng tạc gần xong thì dưới bến sông trước chùa có một vật lạ nửa nổi, nửa chìm lượn lờ nhưng không trôi theo dòng nước, đẩy ra mấy lần lại trôi trở lại. Thấy lạ, dân làng vớt lên xem thì nhận ra đây là một vật làm bằng gỗ quý, như chiếc ngai, bèn rước ngay vào chùa.

Tượng tạc xong giống y hệt người con gái trong mộng và đặt thử vào ngai thì rất vừa. Từ đó, trong vùng mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu. Tiếng đồn, thánh Bà trong chùa rất thiêng, khách thập phương kéo về lễ rất đông - Những người làm nghề sông nước gặp mùa mưa lũ, đi thuyền qua đây cũng đều lên chùa thắp hương, cầu mong yên ổn. Dân địa phương đặt tên cho chùa là Đức Bà làng Đanh, gọi tắt là chùa Bà Đanh. Tên gọi này còn tồn tại đến nay.

Trong dân gian còn truyền tụng câu:

Còn duyên kẻ đón người đưa,

Hết duyên vắng ngắt như chùa Bà Đanh.

Từ suy luận logic, chúng tôi cho rằng, vị thánh nữ trong truyền thuyết được đồng nhất với Pháp Phong qua quá trình chuyển hoá của tín ngưỡng dân gian, hỗn dung với Phật giáo, mà hình tượng chính là pho tượng vẫn được thờ trong chùa.

2. Tư liệu Hán - Nôm

Dưới thời quân chủ, triều đình đã sắc phong cho nhiều vị thần được thờ ở các làng xã. Đây là văn bản chính thức của chính quyền trung ương, có giá trị pháp lý cao nhất như cách nói ngày nay. Ở chùa Bà Đanh, hiện còn 3 đạo sắc, chất liệu giấy dó, viết chữ Hán, thể Khải, trên nền hoa văn rồng, mây, đóng dấu vuông có 4 chữ "Sắc mệnh chi bảo" kiểu chữ Triện, dấu đóng không đè lên niên hiệu, đúng quy chuẩn của triều đình.

Ba sắc phong này đều được vua triều Nguyễn ban cho chùa, cụ thể là:

- Năm Thành Thái nguyên niên (1889) - phong cho Pháp Phong, xã Đinh Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nội;

- Năm Khải Định thứ 2 (1917) - phong cho Pháp Phong, xã Đinh Xã, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;

- Năm Khải Định thứ 9 (1924) - phong cho Pháp Phong, xã Đinh Xã, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Các đại tự, câu đối trong chùa cũng góp phần minh chứng thêm cho nhận định, chùa thờ Pháp Phong. Tuy nội dung đại tự, câu đối không đề cập trực tiếp đến tên của bà, song, cho biết vị thế của bà hoặc nói đến quẻ Tốn (gió) - một yếu tố của tự nhiên đã được tiếp biến thành hình tượng.

Bức đại tự đầu tiên cần phải kể đến, gồm 4 chữ Hán: "Danh tề Tứ pháp" (Sánh ngang với Tứ pháp). Một bức khác cũng với 4 chữ Hán: "Hoá tuyên Tốn lệnh" (Biến hoá làm hiện thực phương Đông Nam) - Về ý nghĩa của chữ Tốn, chúng tôi sẽ nói khi bàn về phương vị của chùa. Bức đại tự thứ 3, cùng số lượng chữ như 2 bức trên là: "Phiến hoà dương nhân" (Quạt gió hoà, tỏ rõ lòng nhân ái).

Ba đôi câu đối của chùa cũng đáng lưu ý, với nội dung ngầm chỉ Pháp Phong:

+ Câu đối thứ nhất:

Tứ pháp thượng, hách trạc biểu anh thanh, cổ vật huyền công tham bất tể,

Tam kỳ trung, thần linh lưu thắng tích, siêu trần Phật lục bản thanh tu.

(Trên Tứ pháp biến hoá nổi danh, nuôi dưỡng mọi loài công khó sánh,

Trong tam kỳ thiêng liêng để dấu, siêu sinh sách Phật vốn thanh tu).

+ Câu đối thứ hai:

Hoá cổ lưỡng gian tư thác thược,

Công cao Tứ pháp lẫm linh thanh.

(Nuôi dưỡng hai nơi (trời, đất) giữ gìn then khoá, Ghi công lao như Tứ pháp, lừng lẫy liêng thiêng).

Có lẽ, người soạn câu đối trên đã cho rằng: Phong - gió là nguyên nhân gây ra mây, mưa, sấm, chớp chăng? Đây cũng là kết quả của lối tư duy trực quan của người Việt xưa.

+ Câu đối thứ ba:

Địa dũng Hàn giang truyền diệu quyết,

Thiên di Bồng Đảo tại nhân gian.

(Từ đất vọt lên, sóng cuộn Hàn giang truyền phép lạ,

Do trời đem đến, cảnh quan Bồng Đảo chốn nhân gian).

Liên tưởng với truyền thuyết, bước đầu có thể tạm khẳng định, nội dung câu đối này tập trung ca ngợi một thánh nữ đã được chuyển hoá thành Phật.

3. Tượng Pháp Phong

Quần thể kiến trúc chùa Bà Đanh gồm nhiều đơn nguyên, chùa chính có 3 toà: tiền đường, trung đường và thượng điện - Tượng Pháp Phong đặt ở toà này.

Tượng được tạc từ gỗ quý, thể hiện một người phụ nữ trung tuổi, vẻ mặt hiền từ, phúc hậu, da trắng, tai Phật, mắt khép hờ, mũi rọc dừa, miệng nhỏ, môi mỏng, cằm thon…, ngồi trên bệ trong tư thế thả lỏng tự nhiên, mặc váy, choàng áo dài để hở lớp áo lót bên trong... Hai vai buông xuôi, chân trái khoanh (bàn chân trần lộ dưới lớp vải), chân phải chống (không để lộ bàn chân). Tay phải tượng đặt trên lòng đùi chân phải, bàn tay ngửa lên, với các ngón khá dài, cong mềm mại, đầu ngón cái bấm vào đốt giữa của ngón áp út. Tay trái úp trên đầu gối chân trái và duỗi tự nhiên. Nếu nhìn chính diện, chỉ thấy 4 ngón trên mỗi bàn tay (tay phải không thấy ngón út, tay trái không lộ ngón cái).

Lớp áo dài của tượng buông chảy từ trên xuống, với nhiều nếp mềm mại, nhưng lại loà xoà tựa như có gió thổi vào. Áo có nền màu cánh gián, trong khi nếp áo màu vàng nhạt. Áo lót của tượng là kiểu áo cổ tròn, cũng màu cánh gián (khá tương đồng với áo mặc ngoài), được trang trí hoa văn chiếm hai phần ba chiều dài khoảng lộ ra của áo lót (tính từ điểm nút thắt của áo dài lên phía trên)…

Tượng đội mũ màu cánh gián, dạng mũ của Bồ Tát. Mặt trước mũ chạm nổi mảng hoa văn 3 tầng. Có thể tạm coi, mảng hoa văn này là những đám mây đang bị gió thổi…

Về bệ tượng, nhìn thoáng qua, tưởng như

được tạc từ một khối gỗ lũa. Tạo hình cũng khá độc đáo, phần đế mặt trước chạm những vân nổi gợi lên hình ảnh sóng nước cuộn xoáy, hai bên là hai ngọn sóng trào lên (ngọn bên phải cao hơn ngọn bên trái).

Phía sau tượng Pháp Phong là hai pho tượng thị nữ đứng hầu, trạc tuổi thanh nữ, da hồng, đường nét khuôn mặt thanh tú, tai chảy. Hai thị nữ cũng khoác áo dài màu cánh gián, lộ lần áo lót, đội mũ nhưng kiểu dáng và trang trí thì đơn giản hơn. Đáng lưu ý, hai thị nữ có dáng tay khác nhau. Thị nữ bên phải đưa bàn tay phải lên ngang ngực, lòng bàn tay ngửa ra phía trước, tay trái buông xuôi xuống. Thị nữ bên trái thì lại chắp hai bàn tay vào nhau như đang khấn vái.

Sở dĩ chúng tôi miêu tả khá dài về pho tượng Pháp Phong chùa Bà Đanh, vì đọc một tài liệu khảo cứu về tạo hình tượng Tứ pháp (Vân, Vũ, Lôi, Điện) thì thấy rất nhiều chi tiết không giống với pho tượng này[1].

4. Hướng chùa Bà Đanh

Chùa quay hướng Đông - Nam, trước mặt là sông Đáy. Theo nguyên lý Dịch học, thì hướng này có quan hệ với quẻ Tốn trong Hậu thiên Bát quái. Ở đây, quẻ Tốn ứng với hướng Đông - Nam, nếu vận vào tổ chức gia đình cổ truyền thì Tốn đóng vai trò Trưởng nữ. Tốn là quẻ âm, mà nữ cũng mang tính âm vậy. Trong 64 quẻ kép thì "Tốn vi phong" (thuần Tốn), có nghĩa là gió thuận, nhập vào.

Nhiều người ở địa phương nói rằng: từ xưa, chỉ có ni sư trụ trì chùa Bà Đanh thì mới hợp. Cá biệt, đã có tăng trụ trì, song không được lâu, vì gặp nhiều trục trặc nên phải dời đi. Có điều gì khó hiểu ở đây chăng, khi chùa thờ Pháp Phong (nữ giới - mang tính âm), chùa quay hướng - Nam, phương vị quẻ Tốn (quẻ âm), vì thế mà tăng (mang tính dương) nên xung khắc?

5. Mấy liên hệ về hiện tượng thờ Pháp Phong

Bằng những tư liệu chúng tôi biết hay được cung cấp, cho đến nay, có thể thấy, không chỉ duy nhất chùa Bà Đanh thờ Pháp Phong. Trên núi Gôi (thị trấn Gôi, Vụ Bản, Nam Định) cũng có đền thờ Pháp Phong[2]. Chùa Hạ Kỳ (Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định) thờ Tứ pháp, với thứ tự được tôn vinh là: nhất Phong, nhì Vũ, tam Vân, tứ Điện. Một nhà nghiên cứu trong một cuốn sách cũng hai lần nói đến Pháp Phong[3]…

Một giả thiết về khởi thuỷ của Tứ pháp:

Sự xuất hiện của tục thờ Tứ pháp trong các ngôi chùa dường như có liên quan đến sự du nhập của Phật giáo vào nước ta. Theo một số nhà nghiên cứu, thì sự du nhập này có thể diễn ra vào khoảng thế kỷ I. Khi ấy, một số nhà sư Ấn Độ đã theo các thuyền buôn cập bến vào Luy Lâu - thủ phủ quận Giao Chỉ (nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Sách *Lý hoặc luận* của Mâu Bác viết tại Việt Nam vào nửa sau thế kỷ II từng ghi nhận về một trung tâm Phật giáo-Luy Lâu, đã rất phát triển và quan trọng ở đương thời. Phải chăng, cư dân Luy Lâu cổ, vốn từ miền rừng núi tiến xuống khai phá đồng bằng, đã bỏ qua nền "nông nghiệp khô" (dùng củ quả làm lương thực, kiêm săn bắt hái lượm) để bước sang một nền "nông nghiệp ướt" - trồng lúa nước. Với trình độ khi ấy, có lẽ, họ đã "tìm tới" các vị thần phù trợ cho nền sản xuất nông nghiệp sử dụng nước tại chỗ vốn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên.

Phật giáo truyền vào Luy Lâu còn mang nhiều yếu tố nguyên thuỷ, đã tiếp thu và cải biến một số vị thần của đạo Hindu trước đó, như Indra - thần Sấm Sét, Vayu - thần Gió, Parjanya - thần Mưa, 8 vị LoKapala trông coi 8 hướng: Bắc, Nam, Đông, Tây, Đông - Bắc, Tây - Bắc, Đông - Nam, Tây - Nam, sau được Phật giáo chuyển hoá thành Bát vị Kim Cương, hoặc rút gọn còn Tứ vị Thiên Vương hộ trì Phật pháp. Trong Hindu giáo, vị thần được sùng bái nhất là Indra - thần Sấm Sét…

Như vậy, có thể nghĩ rằng, thần Mưa, thần Sấm Sét, thần Gió không hẳn là tín ngưỡng bản địa của nước ta, mà đã có sẵn trong Phật giáo nguyên thuỷ. Không thấy thần Mây được nói đến trong kinh Veda của Hindu giáo. Có lẽ, đây là vị thần bản địa của người Việt. Giả thiết làm việc của chúng tôi là: Các vị thần Gió, Mưa, Sấm Sét đã hỗn dung với thần Mây trong tín ngưỡng bản địa, đồng thời có bước chuyển hoá các vị "nam thần" thành "nữ thần", để thổi "Pháp" của Phật giáo (trong Phật, Pháp, Tăng - ba yếu tố cốt lõi Phật giáo) cho các vị, biến các vị thành Phật. Bộ Tứ pháp đầu tiên được thờ riêng có thể là: "Pháp Vân" (đặt yếu tố tín ngưỡng Việt lên đầu), Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Phong. Qua các bước chuyển hoá tiếp theo, đã "cấy" thêm các vị Phật, Bồ Tát... của Phật giáo vào đền thờ để trở thành chùa theo kiểu "tiền Phật - hậu Thánh" như ta thấy ở một số ngôi chùa có thờ Tứ pháp hiện nay.

Trở lại đôi chút với yếu tố "Phong" trong Phật

giáo - Đối với triết học Phật giáo, từ giai đoạn nguyên thuỷ đến giai đoạn kết tập kinh điển, "Phong" được coi như một trong 6 yếu tố bản thể (lục đại: Địa, Thuỷ, Hoả, Phong, Không, Thức) tạo nên thế giới tự nhiên và thế giới hữu tình. Theo đó, Phong - gió sẽ là một trong những nhân tố có vai trò quan trọng trong việc định hình hệ Tứ pháp khởi thủy, là kết quả của sự chuyển hoá nội/ngoại sinh như đã đề cập ở trên. Đối với người Việt, vai trò quan trọng của nhân tố gió cũng đã được ca dao, tục ngữ, nghệ thuật trình diễn dân gian… ghi nhận, mà có thể nêu ra qua nhiều dẫn chứng, như trong màn hề chèo "Theo thầy", vở chèo cổ "Từ Thức gặp tiên", gió được nhắc đến như một yếu tố có sức mạnh - anh hề nói: "Hề sợ quan, quan sợ trời, trời sợ gió...".

Vậy từ trung tâm Luy Lâu, con đường truyền bá Tứ pháp như thế nào?

Qua phân bố của hệ thống chùa thờ Tứ pháp hiện còn, có thể nhận thấy, tục thờ Tứ pháp từ Luy Lâu được truyền xuống phía Nam, chưa thấy con đường truyền ngược lên phía Bắc? Địa bàn xuất hiện các ngôi chùa thờ Tứ pháp là ven lưu vực sông Hồng, sông Đáy, mà sông Đáy là chủ yếu. Qua các bước phát triển, đã có sự thay đổi thành phần trong Tứ pháp, phải chăng, bước chuyển mạnh nhất là từ khi "Cổ châu Pháp Vân Phật ngữ lục" được phổ biến rộng rãi? Do một lý do nào đó, mà một số nơi đã có hiện tượng "hoá thạch ngoại biên" Pháp Phong như chúng ta đã thấy. Vậy lý do gì để dân gian thay thế Pháp Phong bằng Pháp Điện, trong khi Lôi và Điện là hai biểu hiện của hiện tượng phóng tia lửa điện trong không trung: lôi (tiếng sấm), điện (ánh chớp)? Có thể tạm lý giải là: Dân Việt vốn ưa trực quan, thực dụng, gió không nhìn thấy, nên khó vật chất hoá thành tượng thờ, nên thôi thì tách vị Indra của Ấn giáo thành hai: Pháp Lôi, Pháp Điện, hoặc giả, nông nghiệp Việt cổ truyền phụ thuộc quá nhiều vào thiên nhiên, gió - yếu tố hai mặt: thuận thì mùa màng bội thu, nghịch thì có sức tàn phá khủng khiếp như bão tố, lốc, vòi rồng, gió hại nhiều hơn lợi nên đưa Pháp Phong ra khỏi điện thờ là việc đương nhiên?

Để thêm cứ liệu cho những suy luận, chúng tôi xin trở lại một văn bản cổ và trích dẫn đoạn quan trọng nhất minh chứng cho "Tứ pháp khởi thuỷ", đó là truyện Man Nương chép trong sách *Lĩnh Nam chích quái*. Sách này xuất hiện từ thời Lý, Trần, sang thời Lê sơ (cuối thế kỷ XV), Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã sắp xếp lại và hoàn thành với 2 quyển, gồm 23 truyện. Đây là văn bản về Tứ pháp sớm nhất hiện được biết. Trong sách này, đoạn nói về Pháp Phong như sau: "Dân mời Man Nương bái lễ, thuê dân chài lặn xuống vớt lên, rước vào tự điện, đặt vào bên trong tượng Phật, tượng Phật tự nhiên trông như mạ vàng. Sư Đồ Lê đặt Phật hiệu là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Phong, tứ phương cầu đảo không điều gì không ứng. Dân làng đều gọi Man Nương là Phật Mẫu. Ngày 4 tháng Tư, Man Nương không bệnh mà mất, táng ở trong chùa"[4]. Đây là đoạn tiếp sau đoạn ghi việc dân vớt cây "dung thụ" trôi nhưng kéo không nổi, phải nhờ Man Nương kéo lên, sai thợ tạc bốn pho tượng Phật...

Cũng chính ở chùa Dâu (Bắc Ninh), địa điểm được cho là khởi nguồn của tục thờ Tứ pháp có một cây tháp xây bằng gạch nung già, trước đây 7 tầng, nay chỉ còn 3 tầng, mặt trước ở tầng 2 gắn biển đá khắc chữ Hán "Hoà phong tháp". Tháp đặt trước gian giữa của toà tiền đường, sau tam quan, tầng một đặt 4 tượng Thiên Vương ở 4 góc, cạnh cửa vòm. Như đã nói ở trên, Tứ Thiên Vương là sự tiếp thu và "rút gọn" hệ thần phương hướng của Hindu giáo. Ngoài chùa Dâu, hiện chúng tôi chưa phát hiện được thêm một ngôi chùa nào có tháp Hoà Phong. Qua đây, có thể tạm nêu giả thiết: Tháp Hòa Phong là di ảnh của tâm thức dân gian về tục thờ Pháp Phong chăng?

Có thể nói, dù không phổ biến trong phạm vi rộng, nhưng ở Hà Nam, Nam Định - vùng hạ lưu sông Đáy, sông Hồng có hiện tượng "hoá thạch ngoại biên" của tục thờ Pháp Phong. Đây hẳn là một hiện tượng độc đáo của tín ngưỡng dân gian Việt cần tiếp tục nghiên cứu và lý giải thấu đáo./.

M.K

Chú thích:

1- Trần Lâm Biền, "Vài suy nghĩ về tượng Tứ pháp ở Hà Bắc", trong *Con đường tiếp cận lịch sử,* Nxb. Văn hoá Thông tin, H, 2013, tr. 291 - 292.

2- Ý kiến của PGS.TS. Trần Lâm Biền.

3- Trần Lâm Biền, *Con đường tiếp cận lịch sử,* Nxb. Văn hoá Thông tin, H, 2013, tr. 48, 291.

4- Vũ Quỳnh, Kiều Phú, *Lĩnh Nam chích quái,* Đinh Gia Khánh chủ biên, Nguyễn Ngọc San biên khảo, giới thiệu, Nxb. Văn học, H, 2001, tr. 86 - 88.

(Ngày nhận bài: 21/9/2016; ngày phản biện đánh giá: 22/10/2016; ngày duyệt đăng bài: 11/11/2016).